TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGÂN SƠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03-5-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Phương Quế;

2. Bà Hoàng Thị Huyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Nhung.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bàn Thị L, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Anh Triệu Văn L, sinh năm 1992 (vắng mặt có lý do).

Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (hiện đang hành nghề lái máy xúc thuê tại xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bàn Thị Lan trình bày:

Chị và anh Triệu Văn L, sinh năm 1992, hộ khẩu thường trú thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 26/5/2011. Sau khi kết hôn được một năm do gia đình khó khăn nên anh L vào Tây nguyên để làm ăn (hiện anh đang làm nghề lái máy xúc thuê tại xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông, tuy nhiên anh L không làm thủ tục khai báo tạm vắng tạm trú theo quy định pháp luật). Trong thời gian đi làm ăn xa, anh L

không về thăm gia đình, vợ con và không liên lạc để hỏi thăm tình hình của gia đình, vợ con cũng như thông báo tình hình làm ăn, sinh sống của anh L như thế nào. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng của hai anh chị không còn, nếu cứ tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn L.

Về con chung: Chị trình bày trong quá trình chung sống hai vợ chồng chị có một con chung là cháu Triệu Bảo T, sinh ngày 16/9/2011 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường). Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T. Chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn thì chị L lại đồng ý để anh Triệu Văn L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nhưng yêu cầu anh L phải tôn trọng quyền thăm nom, chăm sóc con chung của chị L, không ai được cản trở. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị thay đổi yêu cầu và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung và không yêu cầu anh L phải trợ cấp nuôi con hàng tháng.

Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Chị Bàn Thị L xác định không có tài sản chung và nợ chung do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh C, bị đơn anh Triệu Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị L đến chung sống với nhau vào năm 2011, khi đến chung sống với nhau anh L và chị L hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Trong thời gian chung sống với nhau tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do cả hai đi làm ăn xa, không ở cùng nhau, sau đó điện thoại thì không nghe máy. Nay anh L thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L làm đơn xin ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng anh chị có một người con chung như chị Lan trình bày là cháu Triệu Bảo T, sinh ngày 16/9/2011 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường). Hiện nay, cháu Triệu Bảo T đang ở với bà nội của cháu (mẹ đẻ của anh L) tại xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Hàng tháng, anh L vẫn gửi tiền về để bà nuôi dưỡng cháu. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T đến tuổi trưởng thành (dủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và giải quyết nợ chung: Anh L xác định vợ chồng anh không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông, anh L trình bày cụ thể là hiện nay anh làm nghề lái xe múc, mỗi tháng thu nhập được 10.000.000đồng (do anh làm với tư nhân nên không có bảng lương). Hiện nay anh L ở xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông nhưng không đăng ký tạm trú, tạm vắng nên địa chỉ theo hộ khẩu vẫn ở xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Anh L khẳng

định chỉ có nơi ở ổn định là xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Hàng năm anh vẫn về nhà thăm con thường xuyên (năm nào cũng về).

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử xét xử sơ thẩm đối với vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện việc lập hồ sơ vụ án; xác định tư cách pháp lý của đương sự, người tham gia tố tụng khác; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án đúng và đầy đủ; chấp hành đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, đương sự quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm đối với vụ án.

** Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*

Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Bàn Thị L về việc xin ly hôn với anh Triệu Văn L.

2. *Về con chung*: Giao con chung là cháu Triệu Bảo T sinh ngày 16/09/2011 (hiện nay được 07 tuổi), cháu khỏe mạnh phát triển bình thường cho chị Bàn Thị Lan là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Bàn Thị L không yêu cầu anh Triệu Văn L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Cả hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Bàn Thị L phải chịu 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập đầy đủ lời khai của nguyên đơn, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của pháp luật. Do phía bị đơn là anh Triệu Văn L đang làm ăn tại xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông nên chưa có lời khai và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã thực hiện việc ủy thác thu thập chứng cứ phục vụ cho việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật cho thấy việc nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tuy nhiên có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bàn Thị L và anh Triệu Văn L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Bàn Thị L và anh Triệu Văn L là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa hợp. Tuy nhiên, sau đó giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do việc chị L và anh L phải đi làm ăn xa, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, hai bên đã ly thân trong một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý giải quyết ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự, tuyên bố chị Bàn Thị L được ly hôn với anh Triệu Văn L.

2.2. Về quan hệ con chung:

Chị Bàn Thị L và anh Triệu Văn L có một con chung là cháu Triệu Bảo T, sinh ngày 16/9/2011 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường). Cháu đang sống cùng bà nội (mẹ đẻ của anh Triệu Văn L) tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Trong quá trình giải quyết vụ án cả hai bên đương sự đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng.

Qua xem xét điều kiện và hoàn cảnh của hai bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy theo lời khai anh L thì anh có thu nhập hàng tháng là 10.000.000đồng (mười triệu đồng), xét về điều kiện thì anh L cũng đủ điều kiện là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung, tuy nhiên hiện nay anh L đang đi làm ăn xa, hàng năm chỉ về thăm nhà một lần (không có mặt tại địa phương), nếu giao con chung cho anh Luân thì sẽ không đảm bảo về thời gian chăm sóc, gần gũi cũng như nuôi dạy con chung. Còn đối với chị Bàn Thị L, tuy chị L cho rằng mình đang làm nghề cắt tóc tại khu công nghiệp của tỉnh Bắc Ninh nhưng chị khẳng định là chị vẫn thường xuyên về thăm nhà và thăm con. Hội đồng xét xử nhận thấy, về điều kiện thời gian và công

việc, chị Lan là người có đầy đủ điều kiện để là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung hơn, vì công việc của chị đảm bảo hàng tuần chị vẫn có thể thường xuyên về nhà với con. Ngoài ra, con chung của hai bên đương sự là con gái, do vậy việc giao con chung cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ phù hợp hơn với việc phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T là muốn ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn, do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bàn Thị L, giao con chung của hai bên đương sự cho nguyên đơn chị Bàn Thị L là người trực tiếp nuôi con, anh Triệu Văn L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này.

Về tài sản chung và giải quyết nợ chung:

Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Bàn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bàn Thị L đối với bị đơn Triệu Văn L về việc: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"*.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự, tuyên bố nguyên đơn chị Bàn Thị L được ly hôn với bị đơn anh Triệu Văn L.

1.2. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bàn Thị L giao con chung là cháu Triệu Bảo T, sinh ngày 16/9/2011 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho nguyên đơn chị Bàn Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bị đơn anh Triệu Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Bàn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Bàn Thị L đã nộp theo biên lai thu số 08091, ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn. Xác nhận nguyên đơn chị Bàn Thị L đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Công